

(Tiếp theo Công báo số 69 + 70)

## QUY TRÌNH 8

### Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

#### I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

| STT  | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú   |
|--|---|----------|-----------|
| <b>Bước 1: Trường hợp Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác</b>  |   |          |           |
| 1  | Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.   | 01       | Bản chính |
| 2  | Phương án giải quyết nợ (nếu có): Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. | 01       | Bản chính |
| <b>Bước 2: Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác</b>  |   |          |           |
| 1  | Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác.  | 01       | Bản chính |
| 2  | Quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước.        | 01       | Bản chính |
| 3  | Báo cáo kết quả chuyên nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.                              | 01       | Bản chính |
| <b>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</b>  |   |          |           |
| - Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau:  |   |          |           |
| + Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; |   |          |           |
| + Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm  |   |          |           |

theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả   | Thời gian xử lý  | Lệ phí   |
|--|--|--|
| <p>Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa).</p> | <p>- <b><i>Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:</i></b> 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định.</p> <p>- <b><i>Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</li> <li>- 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).</li> </ul> | <p>Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.</p> |

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm                            | Thời gian       | Hồ sơ/<br>Biểu mẫu  | Diễn giải  |
|----------------|--------------------|--|-----------------|---|--|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Tổ chức, cá nhân                       | Giờ hành chính  | Theo mục I  | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.  |
| B2             | Tiếp nhận hồ sơ    | Bộ phận Một cửa                        | Giờ hành chính  | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính</li> <li>- Kế hoạch thực hiện tiếp B3.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</li> </ul> |
| B3             | Xử lý hồ sơ        | Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề xuất<br>- Dự thảo kết quả | <p><b><u>Đối với thủ tục thông báo giải thể tổ hợp tác:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra các điều kiện của hồ sơ có đủ theo quy định và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã;</li> </ul>  |

|           |                           |                                       |                 |  |   |
|-----------|---------------------------|---------------------------------------|-----------------|--|---|
|           |                           |                                       |                 |  | - Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.   |
|           | <b>Xử lý hồ sơ</b>        | Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế oạch | 1 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề xuất<br>- Dự thảo kết quả  | <b><u>Đối với thủ tục đăng ký giải thể tổ hợp tác:</u></b><br>- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, kiểm tra các điều kiện của hồ sơ có đủ theo quy định và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã;<br>- Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.   |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch   | 1 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề xuất<br>- BM 06 hoặc BM 04 | <b><u>Đối với thủ tục thông báo giải thể tổ hợp tác:</u></b><br>- Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyên chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.<br>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ theo quy định: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải các giấy tờ này và thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác |

|              |                           |                                     |                   |   |   |
|--------------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------|---|---|
|              |                           |                                     |                   |   | <p>xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan thuế. Lãnh đạo Phòng ký Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định Lãnh đạo Phòng ký Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.</p> |
|              | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch | 0,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- Dự thảo kết quả</li> </ul> | <p><b><u>Đối với thủ tục đăng ký giải thể tổ hợp tác:</u></b></p> <p>- Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký Phiếu đề xuất và duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã; gửi thông tin về việc tổ hợp tác đăng ký chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế.</p>  |
| Cơ quan thuế |                           |                                     | 02 ngày làm việc  |   | <p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tổ hợp tác đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện</p>  |
| <b>B5</b>    | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính -          | 0,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> </ul>                            | <p><b><u>Đối với thủ tục đăng ký giải thể tổ hợp tác:</u></b></p> <p>- Sau khi nhận ý kiến phản hồi về việc hoàn</p>  |

|    |                   |                                    |                   |                          |   |
|----|-------------------|------------------------------------|-------------------|--------------------------|---|
|    |                   | Kế hoạch                           |                   | - BM07 hoặc BM04         | <p>thành nghĩa vụ nộp thuế của tổ hợp tác từ Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện duyệt kết quả trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã, chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.</p> <p>- Lãnh đạo Phòng ký Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.</p>  |
| B6 | Phát hành kết quả | Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch | 0,5 ngày làm việc | BM06 hoặc BM07 hoặc BM04 | <p><b><u>Đối với thủ tục thông báo giải thể tổ hợp tác:</u></b></p> <p>- Photo, đóng dấu thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.</p> <p>- Chuyên kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.</p> <p><b><u>Đối với thủ tục đăng ký giải thể tổ hợp tác:</u></b></p> <p>- Photo, đóng dấu Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.</p> <p>- Chuyên kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.</p> |

|           |   |                 |               |         |  |
|-----------|---|-----------------|---------------|---------|--|
| <b>B7</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>- Lưu trữ hồ sơ, thống kê và theo dõi.. |
|-----------|---|-----------------|---------------|---------|--|

#### IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu  |
|----|---------|---|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                        |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 4  | BM 04   | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).     |
| 5  | BM 05   | Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Phụ lục III-5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                           |
| 6  | BM 06   | Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 7  | BM 07   | Thông báo về việc tổ hợp tác đã chấm dứt hoạt động (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                          |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu   |
|----|---------|--|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                    |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                   |

|   |       |   |
|---|-------|---|
| 4 | BM 04 | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).     |
| 5 | BM 05 | Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Phụ lục III-5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                           |
| 6 | BM 06 | Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Phụ lục V-5 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 7 | BM 07 | Thông báo về việc tổ hợp tác đã chấm dứt hoạt động (Phụ lục V-6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                          |
| 8 | /     | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.   |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.
- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu VI-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....      ....., ngày .... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN****Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ..... /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): .....  
 Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
*(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh)*; Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NGƯỜI NỘP**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**NGƯỜI NHẬN**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**Kính gửi:   *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)**(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):*.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu III-5****TÊN TỔ HỢP TÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THÔNG BÁO****Về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....Tên tổ hợp tác *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế: .....

Tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác.

Lý do chấm dứt hoạt động: .....

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC***(Ký, ghi họ tên)<sup>1</sup>*

---

<sup>1</sup> Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

**Mẫu V-5****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động**

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)..... thông báo tổ hợp tác sau đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động:

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Người đại diện của tổ hợp tác:

**Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:**

Ông/Bà (ghi bằng chữ in hoa): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài):  
..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

**Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:**

Tên pháp nhân: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: .....

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Ông/Bà (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):  
..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

(*Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) đăng tải thông báo tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**TRƯỞNG PHÒNG**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

**Mẫu V-6****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc tổ hợp tác đã chấm dứt hoạt động**

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... thông báo tổ hợp tác sau đã chấm dứt hoạt động:

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Người đại diện của tổ hợp tác:

**Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:**

Ông/Bà (ghi bằng chữ in hoa): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): ..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

**Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:**

Tên pháp nhân: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: .....

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Ông/Bà (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy  
tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước  
ngoài*): ..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Lý do chấm dứt hoạt động: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)



**QUY TRÌNH 9****Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT   | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú   |
|---|---|----------|-----------|
| 1   | Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã. | 01       | Bản chính |
| <p><u>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</li> <li>+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.</li> </ul> |   |          |           |

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý   | Lệ phí |
|---|-------------------|--------|
| Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa). | 03 ngày làm việc. | Không  |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| Bước công việc | Nội dung công việc     | Trách nhiệm                   | Thời gian         | Hồ sơ/<br>Biểu mẫu                            | Diễn giải   |
|----------------|------------------------|-------------------------------|-------------------|---|---|
| <b>B1</b>      | <b>Nộp hồ sơ</b>       | Tổ chức, cá nhân              | Giờ hành chính    | Theo mục I                                    | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.   |
| <b>B2</b>      | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b> | Bộ phận Một cửa               | Giờ hành chính    | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03 | - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.<br>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ. |
| <b>B3</b>      | <b>Xử lý hồ sơ</b>     | Chuyên viên Phòng Tài chính - | 1,5 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề         | - Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại  |

|           |                           |                                     |                   |   |   |
|-----------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------|---|---|
|           |                           | Kế hoạch                            |                   | xuất<br>- Dự thảo kết quả   | giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.<br>- Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.   |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch | 01 ngày làm việc  | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề xuất<br>- Thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã ( <i>trường hợp được phép dừng TTHC</i> ), thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ( <i>trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục</i> ) hoặc BM 04 | - Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.<br>- Lãnh đạo Phòng ký thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã ( <i>trường hợp được phép dừng TTHC</i> ), thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ( <i>trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục</i> ) hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã. |
| <b>B5</b> | <b>Phát hành kết quả</b>  | Văn thư Phòng Tài chính -           | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt   | - Photo, đóng dấu kết quả.<br>- Chuyển kết quả giải   |

|           |   |                 |               |         |   |
|-----------|---|-----------------|---------------|---------|---|
|           |   | Kế hoạch        |               |         | quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.  |
| <b>B6</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>- Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.</li> </ul> |

#### IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu  |
|----|---------|---|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                    |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                       |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                      |
| 4  | BM 04   | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu  |
|----|---------|---|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                    |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                       |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                      |
| 4  | BM 04   | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 5  | /       | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.   |

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

---

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu VI-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....      ....., ngày .... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN****Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): .....

Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
*(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh)*; Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NGƯỜI NỘP**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**NGƯỜI NHẬN**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

Kính gửi: (Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: (Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)



**QUY TRÌNH 10****Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT   | Tên hồ sơ  | Số lượng | Ghi chú   |
|---|--|----------|-----------|
| 1   | Văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác. | 01       | Bản chính |
| <p><u>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</li><li>+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.</li></ul></li><li>- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.</li><li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.</li></ul> |  |          |           |

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý   | Lệ phí  |
|---|-------------------|---|
| Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa). | 03 ngày làm việc. | Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023. |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>                     | <b>Thời gian</b>  | <b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>  | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|--|-------------------|---|---|
| <b>B1</b>             | <b>Nộp hồ sơ</b>          | Tổ chức, cá nhân                       | Giờ hành chính    | Theo mục I  | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.   |
| <b>B2</b>             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>    | Bộ phận Một cửa                        | Giờ hành chính    | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</li> </ul> |
| <b>B3</b>             | <b>Xử lý hồ sơ</b>        | Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1,5 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề xuất<br>- Dự thảo kết quả | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</li> <li>- Xem xét, xử lý hồ sơ</li> </ul>   |

|           |   |                                     |                   |  |  |
|-----------|---|-------------------------------------|-------------------|--|--|
|           |   |                                     |                   |  | và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.   |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b>                           | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch | 01 ngày làm việc  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- BM 06 hoặc BM 04</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.</li> <li>- Lãnh đạo Phòng ký Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã và Cơ quan đăng ký kinh doanh hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã.</li> </ul> |
| <b>B5</b> | <b>Phát hành kết quả</b>                            | Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch  | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Photo, đóng dấu kết quả.</li> <li>- Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.</li> </ul>   |
| <b>B6</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                     | Theo Giấy hẹn     | Kết quả  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>- Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.</li> </ul>  |

**IV. BIỂU MẪU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>  |
|-----------|----------------|--|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                     |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                       |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).  |
| 5         | BM 05          | Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục III-7 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                 |
| 6         | BM 06          | Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-7 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>  |
|-----------|----------------|--|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                     |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                       |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).  |
| 5         | BM 05          | Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục III-7 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                 |
| 6         | BM 06          | Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-7 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 7         | /              | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.  |

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

---

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu VI-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN****Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã***(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): .....  
 Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
*(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh)*; Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: (*nếu có*)

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NGƯỜI NỘP**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**NGƯỜI NHẬN**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)**(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):*.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*



**Mẫu III-7****TÊN TỔ HỢP TÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*: .....

Sinh ngày: ...../...../.....

Số định danh cá nhân: .....

*Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

Giới tính: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài *(đối với cá nhân là người nước ngoài)*: .....

Ngày cấp: .... / .... / .... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực  
thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

Là người ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ có Giấy biên  
nhận số ..... do (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... cấp  
ngày .../.../..... về việc đăng ký/thông báo ..... của ..... (Tên  
tổ hợp tác) -Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế ..... (nếu có).

Tôi đề nghị (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... dừng thực  
hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ có Giấy biên nhận số ..... nêu  
trên.

Lý do đề nghị: .....

Tôi cam kết tôi là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp  
tác đối với Hồ sơ nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đề  
nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác này.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  
(Ký, ghi họ tên)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Người có thẩm quyền ký Giấy đề nghị này là người ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác.

**Mẫu V-7**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CẤP HUYỆN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác**Kính gửi: *(Đối với hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác)*

Ông/Bà: .....

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc  
giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

*(Đối với các trường hợp còn lại)*

Tên tổ hợp tác: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác)* .....*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác đã nhận ngày... tháng ... năm ... của Ông/Bà: ..... đối với Hồ sơ có Giấy biên nhận số ..... do *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* ..... cấp ngày .../.../... về việc đăng ký/thông báo ... của ... *(Tên tổ hợp tác)* -Mã số tổ hợp tác ..... *(nếu có)*.

*Nếu chấp thuận đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì ghi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) thông báo đã dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nêu trên và hủy Hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.*

*Nếu từ chối đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì ghi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) thông báo từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác đối với Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nêu trên và lý do từ chối như sau:*

.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**QUY TRÌNH 11****Dừng thực hiện thủ tục giải thể đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|---|----------|-----------|
| 1   | Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể.                         | 01       | Bản chính |
| 2   | Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể. | 01       | Bản chính |

Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:
  - + Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;
  - + Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.
- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>   | <b>Thời gian xử lý</b> | <b>Lệ phí</b> |
|---|------------------------|---------------|
| Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa). | 03 ngày làm việc.      | Không         |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian</b>  | <b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>                        | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|--------------------|-------------------|---|---|
| <b>B1</b>             | <b>Nộp hồ sơ</b>          | Tổ chức, cá nhân   | Giờ hành chính    | Theo mục I                                    | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.   |
| <b>B2</b>             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>    | Bộ phận Một cửa    | Giờ hành chính    | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03 | - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.<br>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ. |
| <b>B3</b>             | <b>Xử lý hồ sơ</b>        | Chuyên viên        | 1,5 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01                       | - Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số  |

|           |                           |                                     |                   |   |   |
|-----------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------|---|---|
|           |                           | Phòng Tài chính - Kế hoạch          |                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- Dự thảo kết quả</li> </ul>                              | <p>hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.</li> </ul>   |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch | 01 ngày làm việc  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- BM 04</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.</li> <li>- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế hoặc Lãnh đạo Phòng ký thông báo về việc sửa, đổi bổ sung đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.</li> </ul> |
| <b>B5</b> | <b>Phát hành kết quả</b>  | Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch  | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Photo, đóng dấu kết quả.</li> <li>- Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận</li> </ul>   |

|           |   |                 |               |         |   |
|-----------|---|-----------------|---------------|---------|---|
|           |   |                 |               |         | Một cửa.  |
| <b>B6</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa | Theo Giấy hẹn | Kết quả | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>- Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi. |

**IV. BIỂU MẪU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>   |
|-----------|----------------|---|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                    |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                       |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                      |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>   |
|-----------|----------------|---|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                    |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                       |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                                      |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 5         | /              | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.   |



## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu VI-1****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CẤP HUYỆN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN****Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã***(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ..... /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): .....

Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
(*tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*); Mã số tổ  
hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: (*nếu có*)

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.**NGƯỜI NỘP**  
(Ký và ghi họ tên)**NGƯỜI NHẬN**  
(Ký và ghi họ tên)

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

Kính gửi: (Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: (Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**QUY TRÌNH 12****Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT | Tên hồ sơ  | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|--|----------|-----------|
| 1   | Thông báo về việc thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã ở nước ngoài.                        | 01       | Bản chính |
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. | 01       | Bản sao   |

**Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>   | <b>Thời gian xử lý</b>                         | <b>Lệ phí</b> |
|---|--|---------------|
| Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa). | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. | Không         |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>            | <b>Thời gian</b>  | <b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>                        | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|-------------------------------|-------------------|---|---|
| <b>B1</b>             | <b>Nộp hồ sơ</b>          | Tổ chức, cá nhân              | Giờ hành chính    | Theo mục I                                    | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.   |
| <b>B2</b>             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>    | Bộ phận Một cửa               | Giờ hành chính    | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03 | - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.<br>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ. |
| <b>B3</b>             | <b>Xử lý hồ sơ</b>        | Chuyên viên Phòng Tài chính - | 1,5 ngày làm việc | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề         | - Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại  |

|           |   |                                     |                   |   |   |
|-----------|---|-------------------------------------|-------------------|---|---|
|           |   | Kế hoạch                            |                   | xuất<br>- Dự thảo kết quả                             | giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.<br>- Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.   |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b>                           | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch | 01 ngày làm việc  | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- Phiếu đề xuất<br>- BM 04 | - Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo. |
| <b>B5</b> | <b>Phát hành kết quả</b>                            | Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch  | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt                               | - Photo, đóng dấu kết quả.<br>- Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.  |
| <b>B6</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                     | Theo Giấy hẹn     | Kết quả   | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>- Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.   |

**IV. BIỂU MẪU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>   |
|-----------|----------------|---|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                                  |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).               |
| 5         | BM 05          | Thông báo về việc thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã ở nước ngoài (Phụ lục II-6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>   |
|-----------|----------------|---|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).                                  |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).               |
| 5         | BM 05          | Thông báo về việc thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã ở nước ngoài (Phụ lục II-6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 6         | /              | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.   |

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



**Mẫu VI-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....      ....., ngày .... tháng .... năm ....

**GIẤY BIÊN NHẬN****Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): .....

Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
*(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh)*; Mã số tổ  
 hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NGƯỜI NỘP**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**NGƯỜI NHẬN**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

Kính gửi: (Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: (Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

**Mẫu II-6****TÊN HỢP TÁC XÃ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THÔNG BÁO****Về việc thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện  
của hợp tác xã ở nước ngoài**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

**Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện** *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*: .....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt *(nếu có)*: .....**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:**

.....

Điện thoại *(nếu có)*: ..... Fax *(nếu có)*: .....Email *(nếu có)*: ..... Website *(nếu có)*: .....**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ  
tương đương khác:** .....Do *(tên cơ quan nước ngoài cấp)*: ..... cấp ngày: ...../...../.....**4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**a) Ngành, nghề kinh doanh *(đối với chi nhánh)*: .....b) Nội dung hoạt động *(đối với văn phòng đại diện)*: .....**5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:**

Họ, chữ đệm và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....

Sinh ngày: ..... / ..... / .....

Số định danh cá nhân: .....

*Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

Giới tính: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đứng đầu là người nước ngoài*): .....

Ngày cấp: .... / .... / .... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Email (*nếu có*): .....

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này;

- Người ký tại Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên)<sup>1</sup>*

---

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**QUY TRÌNH 13****Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký****hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT  | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú   |
|--|---|----------|-----------|
| *  | <i>Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i>   |          |           |
| 1  | Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.   | 01       | Bản chính |
| *  | <i>Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã:</i> |          |           |
| 1  | Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.   | 01       | Bản chính |
| 2  | Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.   | 01       | Bản sao   |
| 3  | Giấy chứng nhận đăng ký thuế.   | 01       | Bản sao   |
| <p><b>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</li> <li>+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã,</li> </ul> </li> </ul> |   |          |           |

liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý                                     | Lệ phí |
|---|---|--------|
| Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa). | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Không  |

## III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc     | Trách nhiệm      | Thời gian      | Hồ sơ/ Biểu mẫu                               | Diễn giải   |
|----------------|------------------------|------------------|----------------|---|---|
| <b>B1</b>      | <b>Nộp hồ sơ</b>       | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục I                                    | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.   |
| <b>B2</b>      | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b> | Bộ phận Một cửa  | Giờ hành chính | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03 | - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.<br>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 |

|           |                           |  |                   |  |  |
|-----------|---------------------------|--|-------------------|--|--|
|           |                           |  |                   |  | <p>hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</p>   |
| <b>B3</b> | <b>Xử lý hồ sơ</b>        | Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- Dự thảo kết quả</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</li> <li>- Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.</li> </ul>   |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch    | 01 ngày làm việc  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- BM 06 hoặc BM 04</li> </ul> | <p>Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (<i>trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i>) hoặc Lãnh đạo Phòng ký thông báo về việc sửa, đổi bổ sung đăng ký tổ hợp tác/hợp</li> </ul> |



|           |   |                                    |                   |                         |  |
|-----------|---|------------------------------------|-------------------|-------------------------|--|
|           |   |                                    |                   |                         | <p>tác xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã.</li> </ul> |
| <b>B5</b> | <b>Phát hành kết quả</b>                            | Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Photo, đóng dấu kết quả.</li> <li>- Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.</li> </ul>   |
| <b>B6</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                    | Theo Giấy hẹn     | Kết quả                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>- Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.</li> </ul>  |

#### IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu   |
|----|---------|--|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).                    |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành   |

|   |       |   |
|---|-------|---|
|   |       | kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 4 | BM 04 | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |
| 5 | BM 05 | Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Phụ lục II-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 6 | BM 06 | Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Phụ lục IV-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu  |
|----|---------|---|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).  |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 4  | BM 04   | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |
| 5  | BM 05   | Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Phụ lục II-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 6  | BM 06   | Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Phụ lục IV-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |
| 7  | /       | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.   |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên

hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu VI-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....      ....., ngày .... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN**  
**Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*): .....  
 Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
*(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh)*; Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NGƯỜI NỘP**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**NGƯỜI NHẬN**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**Kính gửi:      *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)**(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):*.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu IV-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Mã số hợp tác xã: .....

*Đăng ký lần đầu, ngày... .. tháng... .. năm... ..**Đăng ký thay đổi lần thứ: ... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..***1. Tên hợp tác xã:**Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*): .....**2. Địa chỉ trụ sở chính:** .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

**3. Vốn điều lệ:** .....**4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:**Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ..... / ..... / ..... Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ  
có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):  
..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

**Mẫu II-4****TÊN HỢP TÁC XÃ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/****Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã***(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu mới)*Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....<sup>1</sup>Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

*Lưu ý:*

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai vào trang tương ứng tại Mục A của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BKHĐT: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BKHĐT đồng thời thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai các nội dung thay đổi tương ứng tại Mục A và kê khai Mục B của biểu mẫu này.

---

<sup>1</sup> Trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trụ sở thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã đã đăng ký.

**A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN****B. ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ/THÔNG BÁO THAY ĐỔI****C. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được sáp nhập (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã được sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được sáp nhập.

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh<sup>1</sup>:  Có  Không

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

*Lưu ý: Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi tại Mục này.*

<sup>1</sup> Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.



**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*): .....

Tên hợp tác xã viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*): .....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực  
thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu  
hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyên đến thuộc quyền sử dụng  
hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (*nếu có*): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*nếu có*) hay không?  Có  Không

Thời điểm thay đổi vốn: .....

Hình thức tăng, giảm vốn: .....

## ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Danh sách người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

| STT | Họ, chữ đệm và tên | Chức danh | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân <sup>3</sup><br><i>hoặc</i> Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài) | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Địa chỉ liên lạc | Chữ ký |
|-----|--------------------|-----------|-----------------------|--|-----------|-----------|---------|----------------|----------------|------------------|--------|
| 1   | 2                  | 3         | 4                     | 5  | 6         | 7         | 8       | 9              | 10             | 11               | 12     |
|     |                    |           |                       |  |           |           |         |                |                |                  |        |

<sup>3</sup> Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

## THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH<sup>2</sup>

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành | Chi chú |
|-----|---|----------|---------|
|     |   |          |         |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký | Mã ngành | Ghi chú<br>(Nếu có) |
|-----|--|----------|---------------------|
|     |  |          |                     |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết | Mã ngành | Ghi chú<br>(Nếu có) |
|-----|--|----------|---------------------|
|     |  |          |                     |

---

<sup>2</sup> - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

**4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh chính | Mã ngành | Ghi chú<br>(Nếu có) |
|-----|----------------------------------|----------|---------------------|
|     |                                  |          |                     |

**Lưu ý:**

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC,  
THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ  
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi:

**I. Thành viên là cá nhân**

| STT       | Tên thành viên                     | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân <sup>4</sup> hoặc Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Vốn góp  |           | Thời điểm hoàn thành góp vốn | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|-----------------------|---|-----------|-----------|---------|----------------|----------------|--|-----------|------------------------------|--|---------|
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                | Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) |                              |  |         |
| 1         | 2                                  | 3                     | 4   | 5         | 6         | 7       | 8              | 9              | 10   | 11        | 12                           | 13   | 14      |
| <b>I</b>  | <b>Thành viên chính thức</b>       |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
| <b>II</b> | <b>Thành viên liên kết góp vốn</b> |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |

<sup>4</sup> Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

## II. Thành viên là tổ chức

### 1. Thông tin thành viên

| STT       | Tên thành viên                     | Số, ngày cấp, nơi cấp<br>Giấy chứng nhận đăng ký<br>doanh nghiệp; Quyết định<br>thành lập hoặc giấy tờ có giá<br>trị pháp lý tương đương đối<br>với tổ chức khác | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn góp   |              | Thời điểm hoàn<br>thành góp vốn | Mã số dự án, ngày cấp,<br>cơ quan cấp Giấy chứng<br>nhận đăng ký đầu tư (nếu<br>có) | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|--|----------------------|---|--------------|---------------------------------|---|---------|
|           |                                    |  |                      | Giá trị phần vốn góp<br>(bằng số; VND và giá trị<br>tương đương theo đơn vị<br>tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) |                                 |   |         |
| 1         | 2                                  | 3  | 4                    | 5   | 6            | 7                               | 8   | 9       |
| <b>I</b>  | <b>Thành viên chính thức</b>       |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |
| <b>II</b> | <b>Thành viên liên kết góp vốn</b> |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |

### 2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

| STT | Tên thành viên | Họ, chữ đệm và tên người đại diện | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân <sup>5</sup> hoặc Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài) | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------------------------------|-----------------------|---|-----------|-----------|---------|----------------|----------------|---------|
| 1   | 2              | 3                                 | 4                     | 5   | 6         | 7         | 8       | 9              | 10             | 11      |
|     |                |                                   |                       |   |           |           |         |                |                |         |

<sup>5</sup> Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.



| I  | Thành viên chính thức       |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|----|-----------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|    |                             |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|    |                             |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II | Thành viên liên kết góp vốn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|    |                             |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|    |                             |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ**

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế   |
|-----|---|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):.....<br>Số định danh cá nhân: .....<br>Điện thoại:.....   |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) <sup>6</sup> :<br>Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Số định danh cá nhân: .....<br>Điện thoại: .....   |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....<br>Tổ/xóm/ấp/thôn: .....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....<br>Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....<br>Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có):..... |
| 4   | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>7</sup> :...../...../.....  |
| 5   | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>   |
| 6   | Năm tài chính:  |

<sup>6</sup> Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

<sup>7</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

|   |  |
|---|--|
|   | Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... <sup>8</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán) |
| 7 | Tổng số lao động:.....   |

---

<sup>8</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

|   |  |
|---|--|
| 8 | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không |
|---|--|

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

## B. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BKHĐT ngày .... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Hợp tác xã đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau<sup>9</sup>:

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|---|
|     |           |          |   |

<sup>9</sup> - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định;

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị/Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị/Thông báo này;

- Người ký tại Giấy đề nghị/Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ/  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/GIÁM ĐỐC**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>10</sup>

---

<sup>10</sup> Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi các nội dung đăng ký khác của hợp tác xã thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

Các trường hợp còn lại, người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

**QUY TRÌNH 14****Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã,  
liên hiệp hợp tác xã**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT  | Tên hồ sơ                                     | Số lượng | Ghi chú   |
|--|---|----------|-----------|
| 1  | Thông báo đề nghị, bổ sung cập nhật thông tin | 01       | Bản chính |
| <p><u>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;</li> <li>+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</li> </ul> </li> <li>- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.</li> <li>- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.</li> </ul> |   |          |           |

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>   | <b>Thời gian xử lý</b>                              | <b>Lệ phí</b>  |
|---|---|--|
| Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa). | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Thu phí trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh:<br><br>Phí, lệ phí nộp trực tiếp:<br>100.000 đồng/lần/đăng ký |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>  | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|--------------------|------------------|---|---|
| <b>B1</b>             | <b>Nộp hồ sơ</b>          | Tổ chức, cá nhân   | Giờ hành chính   | Theo mục I  | Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.   |
| <b>B2</b>             | <b>Tiếp nhận hồ sơ</b>    | Bộ phận Một cửa    | Giờ hành chính   | - Theo mục I<br>- BM 01<br>- BM 02<br>- BM 03<br>- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn | - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.<br><br>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện |



|           |                           |  |                   |  |   |
|-----------|---------------------------|--|-------------------|--|---|
|           |                           |  |                   |  | <p>hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</li> </ul>   |
| <b>B3</b> | <b>Xử lý hồ sơ</b>        | Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch | 1,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- Dự thảo kết quả</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</li> <li>- Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.</li> </ul>  |
| <b>B4</b> | <b>Xem xét, phê duyệt</b> | Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch    | 01 ngày làm việc  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mục I</li> <li>- BM 01</li> <li>- Biên lai thu tiền phí, lệ phí in sẵn</li> <li>- Phiếu đề xuất</li> <li>- BM 06 hoặc BM 04</li> </ul> | <p>Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ.</p> <p><u>Lưu ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (<i>trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cập nhật, bổ sung các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</i>) hoặc Lãnh đạo Phòng ký thông báo về việc sửa, đổi bổ sung đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.</li> <li>- Cơ quan đăng ký kinh</li> </ul> |

|           |   |                                    |                   |                         |  |
|-----------|---|------------------------------------|-------------------|-------------------------|--|
|           |   |                                    |                   |                         | doanh cấp huyện cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã. |
| <b>B5</b> | <b>Phát hành kết quả</b>                            | Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch | 0,5 ngày làm việc | Hồ sơ đã được phê duyệt | - Photo, đóng dấu kết quả.<br>- Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa. |
| <b>B6</b> | <b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận Một cửa                    | Theo Giấy hẹn     | Kết quả                 | - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.<br>- Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.            |

#### IV. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu  |
|----|---------|---|
| 1  | BM 01   | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).  |
| 2  | BM 02   | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 3  | BM 03   | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 4  | BM 04   | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |
| 5  | BM 05   | Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Phụ lục II-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 6  | BM 06   | Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Phụ lục IV-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên Biểu mẫu</b>   |
|-----------|----------------|---|
| 1         | BM 01          | Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).  |
| 2         | BM 02          | Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).   |
| 3         | BM 03          | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).  |
| 4         | BM 04          | Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |
| 5         | BM 05          | Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Phụ lục II-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT). |
| 6         | BM 06          | Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Phụ lục IV-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).   |
| 7         | /              | Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.   |

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.
- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu VI-1****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CẤP HUYỆN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

**GIẤY BIÊN NHẬN****Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã***(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Ngày .... / .... / .... đã nhận của Ông/Bà .....

Số định danh cá nhân: ..... /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài): .....  
Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

01 bộ hồ sơ số: ..... về việc .....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh .....  
*(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh)*; Mã số tổ  
hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1. ....

2. ....

3. ....

4. ....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* hẹn Ông/Bà ngày .... / .... / ..... đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.**NGƯỜI NỘP**  
*(Ký và ghi họ tên)***NGƯỜI NHẬN**  
*(Ký và ghi họ tên)*

**Mẫu VI-3****CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO****Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)**(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):*.....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày ..... tháng ..... năm .....

của Ông/Bà: .....

là .....

về việc: .....

.....

*(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau: .....

.....

.....

Ngày *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu IV-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Mã số hợp tác xã: .....

*Đăng ký lần đầu, ngày... .. tháng... .. năm... ..**Đăng ký thay đổi lần thứ: ... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..***1. Tên hợp tác xã:**Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*): .....**2. Địa chỉ trụ sở chính:** .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

**3. Vốn điều lệ:** .....**4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:**Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): .....Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):

..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu II-4****TÊN HỢP TÁC XÃ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

*(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu mới)*

Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* .....<sup>1</sup>Tên hợp tác xã *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

*Lưu ý:*

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai vào trang tương ứng tại Mục A của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BKHĐT: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BKHĐT đồng thời thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã: Kê khai các nội dung thay đổi tương ứng tại Mục A và kê khai Mục B của biểu mẫu này.

<sup>1</sup> Trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trụ sở thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã đã đăng ký.



**D. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN****E. ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ/THÔNG BÁO THAY ĐỔI****F. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi/thông báo thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã được sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được sáp nhập.

- Hợp tác xã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh<sup>1</sup>:  Có  Không

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

*Lưu ý: Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi tại Mục này.*

<sup>1</sup> Kê khai trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn, mua phần vốn góp vào hợp tác xã dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

---

---

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*): .....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài (*nếu có*): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*nếu có*) hay không?  Có  Không

Thời điểm thay đổi vốn: .....

Hình thức tăng, giảm vốn: .....

## ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Danh sách người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

| STT | Họ, chữ đệm và tên | Chức danh | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân <sup>3</sup><br><i>hoặc</i> Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài) | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Địa chỉ liên lạc | Chữ ký |
|-----|--------------------|-----------|-----------------------|--|-----------|-----------|---------|----------------|----------------|------------------|--------|
| 1   | 2                  | 3         | 4                     | 5  | 6         | 7         | 8       | 9              | 10             | 11               | 12     |
|     |                    |           |                       |  |           |           |         |                |                |                  |        |

<sup>3</sup> Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH<sup>2</sup>**

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành | Chi chú |
|-----|---|----------|---------|
|     |   |          |         |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký | Mã ngành | Ghi chú (Nếu có) |
|-----|--|----------|------------------|
|     |  |          |                  |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết | Mã ngành | Ghi chú (Nếu có) |
|-----|--|----------|------------------|
|     |  |          |                  |

<sup>2</sup> - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;  
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

**4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh chính | Mã ngành | Ghi chú<br>(Nếu có) |
|-----|----------------------------------|----------|---------------------|
|     |                                  |          |                     |

**Lưu ý:**

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC,  
THÀNH VIÊN LIÊN KẾT GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC KINH TẾ  
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi:

**I. Thành viên là cá nhân**

| STT       | Tên thành viên                     | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân <sup>4</sup> hoặc Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Vốn góp  |           | Thời điểm hoàn thành góp vốn | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|-----------------------|---|-----------|-----------|---------|----------------|----------------|--|-----------|------------------------------|--|---------|
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                | Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) |                              |  |         |
| 1         | 2                                  | 3                     | 4   | 5         | 6         | 7       | 8              | 9              | 10   | 11        | 12                           | 13   | 14      |
| <b>I</b>  | <b>Thành viên chính thức</b>       |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
| <b>II</b> | <b>Thành viên liên kết góp vốn</b> |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |
|           |                                    |                       |   |           |           |         |                |                |  |           |                              |  |         |

<sup>4</sup> Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.



## II. Thành viên là tổ chức

### 1. Thông tin thành viên

| STT       | Tên thành viên                     | Số, ngày cấp, nơi cấp<br>Giấy chứng nhận đăng ký<br>doanh nghiệp; Quyết định<br>thành lập hoặc giấy tờ có giá<br>trị pháp lý tương đương đối<br>với tổ chức khác | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn góp   |              | Thời điểm hoàn<br>thành góp vốn | Mã số dự án, ngày cấp,<br>cơ quan cấp Giấy chứng<br>nhận đăng ký đầu tư (nếu<br>có) | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|--|----------------------|---|--------------|---------------------------------|---|---------|
|           |                                    |  |                      | Giá trị phần vốn góp<br>(bằng số; VNĐ và giá trị<br>tương đương theo đơn vị<br>tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) |                                 |   |         |
| 1         | 2                                  | 3  | 4                    | 5   | 6            | 7                               | 8   | 9       |
| <b>I</b>  | <b>Thành viên chính thức</b>       |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |
| <b>II</b> | <b>Thành viên liên kết góp vốn</b> |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |
|           |                                    |  |                      |   |              |                                 |   |         |

### 2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên

| STT      | Tên thành viên               | Họ, chữ<br>đệm và tên<br>người đại<br>diện | Ngày, tháng, năm<br>sinh | Số định danh cá nhân <sup>5</sup><br>hoặc Số, ngày, cơ quan cấp<br>CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu<br>nước ngoài hoặc giấy tờ có<br>giá trị thay thế hộ chiếu<br>nước ngoài (đối với cá<br>nhân là người nước ngoài) | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Ghi chú |
|----------|------------------------------|--|--------------------------|---|-----------|-----------|---------|----------------|----------------|---------|
| 1        | 2                            | 3  | 4                        | 5   | 6         | 7         | 8       | 9              | 10             | 11      |
| <b>I</b> | <b>Thành viên chính thức</b> |  |                          |   |           |           |         |                |                |         |

<sup>5</sup> Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

|           |                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----------|------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|           |                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           |                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Thành viên liên kết góp vốn</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           |                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|           |                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

## THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế   |
|-----|---|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ, chữ đệm và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):.....<br>Số định danh cá nhân: .....<br>Điện thoại:.....   |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) <sup>6</sup> :<br>Họ, chữ đệm và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Số định danh cá nhân: .....<br>Điện thoại: .....   |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....<br>Tổ/xóm/ấp/thôn: .....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....<br>Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....<br>Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có):..... |
| 4   | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>7</sup> :...../...../.....  |
| 5   | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>   |

<sup>6</sup> Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

<sup>7</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

|   |  |
|---|--|
| 6 | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày...../..... đến ngày...../..... <sup>8</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán) |
| 7 | Tổng số lao động:.....   |

---

<sup>8</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

|   |  |
|---|--|
| 8 | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không |
|---|--|

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

**C. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Đề nghị được cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu giấy quy định tại Thông tư số .../2024/TT-BKHĐT ngày .... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Hợp tác xã đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau<sup>9</sup>:

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong<br>các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|--|
|     |           |          |  |

<sup>9</sup> - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định;

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

Hợp tác xã cam kết:

- Thông tin kê khai trong Giấy đề nghị/Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị/Thông báo này;

- Người ký tại Giấy đề nghị/Thông báo này là người có quyền và nghĩa vụ thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ/  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/GIÁM ĐỐC**  
*(Ký và ghi họ tên)<sup>10</sup>*

---

<sup>10</sup> Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời thay đổi các nội dung đăng ký khác của hợp tác xã thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định người thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã thì người được chỉ định ký trực tiếp vào phần này.

Các trường hợp còn lại, người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN GÓP**

Tổng giá trị phần vốn góp sau khi thay đổi:

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng số; VNĐ*): .....

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng chữ; VNĐ*): .....

Lý do thay đổi: .....



**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI DIỆN TỔ HỢP TÁC**

Thông tin đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi:

***Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là cá nhân thì ghi:***

Họ, chữ đệm và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): .....

Sinh ngày: ..... /...../ .....

Số định danh cá nhân: .....

*Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

Giới tính: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*): .....

Ngày cấp: .... /.... /..... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Email (*nếu có*): .....

***Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là pháp nhân thì ghi:***

Tên pháp nhân: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .... /.... /... Nơi cấp: .....

Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp của pháp nhân: .....

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân: .....

*Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

Giới tính: ..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài): .....

Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ**

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Email (*nếu có*): .....

2. Ngày bắt đầu hoạt động<sup>3</sup> (*trường hợp tổ hợp tác dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì không cần kê khai nội dung này*): ...../...../.....

3. Tổng số lao động: .....

Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) ..... cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

<sup>3</sup> Trường hợp tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

---

---

**B. ĐỀ NGHỊ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH**

Tổ hợp tác đề nghị cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác như sau:

.....  
.....  
.....

### C. ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

(Dùng trong trường hợp đăng ký đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã)

Đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Hợp tác xã với các thông tin như sau:

#### 1. Tên tổ hợp tác:

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên tổ hợp tác viết tắt (nếu có): .....

#### 2. Địa chỉ trụ sở:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

#### 3. Ngành, nghề kinh doanh<sup>4</sup>:

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|---|
|     |           |          |   |

<sup>4</sup> - Tổ hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

**4. Tổng giá trị phần vốn góp:**

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ): .....

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng chữ; VNĐ): .....

**5. Thông tin đăng ký thuế:**

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động: ...../...../.....

5.3. Tổng số lao động: .....

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp):

Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT **6. Số lượng thành viên:** .....

Danh sách thành viên tổ hợp tác: Gửi kèm (kê khai theo mẫu Mẫu III-2)

**7. Đại diện tổ hợp tác:****Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:**

Họ, chữ đệm và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa): .....

Sinh ngày: ..... /...../ .....

Số định danh cá nhân: .....

*Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

|  |                |                  |
|--|----------------|------------------|
| Giới tính: .....   | Dân tộc: ..... | Quốc tịch: ..... |
| Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài): ..... |                |                  |
| Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp: .....  |                |                  |
| Nơi thường trú:  |                |                  |
| Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....   |                |                  |
| Tổ/xóm/ấp/thôn: .....  |                |                  |
| Xã/Phường/Thị trấn: .....  |                |                  |
| Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....  |                |                  |
| Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....  |                |                  |
| Nơi ở hiện tại:  |                |                  |
| Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....   |                |                  |
| Tổ/xóm/ấp/thôn: .....  |                |                  |
| Xã/Phường/Thị trấn: .....  |                |                  |
| Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....  |                |                  |
| Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....  |                |                  |
| Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....   |                |                  |

***Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:***

Tên pháp nhân: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: .....

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân: .....

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân: .....

*Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:*

|                  |                |                  |
|------------------|----------------|------------------|
| Giới tính: ..... | Dân tộc: ..... | Quốc tịch: ..... |
|------------------|----------------|------------------|

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài): .....

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp: .....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: .....

Tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>5</sup>

<sup>5</sup> Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.



**Mẫu V-1**

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CẤP HUYỆN      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC**

Mã số tổ hợp tác: .....

Đăng ký lần đầu, ngày... .. tháng... .. năm... ..

Đăng ký thay đổi lần thứ: ... .., ngày... .. tháng... .. năm... ..

**1. Tên tổ hợp tác:**Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*): .....Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....Tên tổ hợp tác viết tắt (*nếu có*): .....**2. Địa chỉ trụ sở:** .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Email: .....Website: .....

**3. Tổng giá trị phần vốn góp:** .....**4. Đại diện tổ hợp tác:*****Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:***Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy  
tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước  
ngoài*): ..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

***Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:***

Tên pháp nhân: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương: .....

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: .....

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Quốc tịch: .....

Số định danh cá nhân: ...../Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):  
..... Ngày cấp: ... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 73 + 74)